

Số: 481 /TTCC115

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

BẢN TIN 115

Hoạt động mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 03 năm 2026

1. Thông tin chung

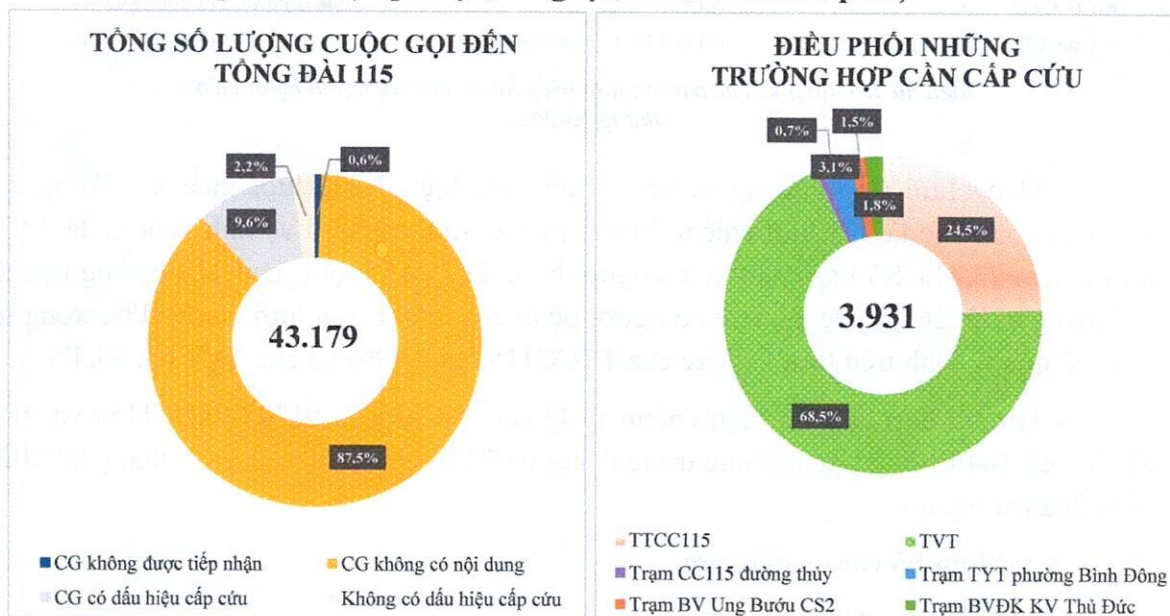
- Tính đến ngày 31/03/2026, Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện bao gồm Trung tâm Cấp cứu 115 và 65 trạm cấp cứu vệ tinh 115 (TVT), trong đó khu vực 1: 44 TVT, khu vực 2: 14 TVT, khu vực 3: 07 TVT.

- Trong tháng 03/2026, có thêm 01 Trung tâm Y tế tại khu vực 3 tham gia vào Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện: Trung tâm Y tế Quân Dân y Đặc Khu Côn Đảo (Công văn số 2821/SYT-NVY ngày 05/3/2026 V/v chấp thuận triển khai trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại Trung tâm y tế Quân dân y Đặc khu Côn Đảo).

- Trung tâm Cấp cứu 115 triển khai, đảm bảo hoạt động chuyên môn (nhân lực, phương tiện vận chuyển) tại các trạm: TVT 115 đường thủy tại BV Từ Dũ CS2, TVT 115 Bệnh viện Ung Bướu CS 2, TVT 115 Trạm Y tế phường Bình Đông và TVT 115 Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức.

2. Công tác chuyên môn

2.1. Tổng đài 115 (tiếp nhận, sàng lọc, tư vấn và điều phối)



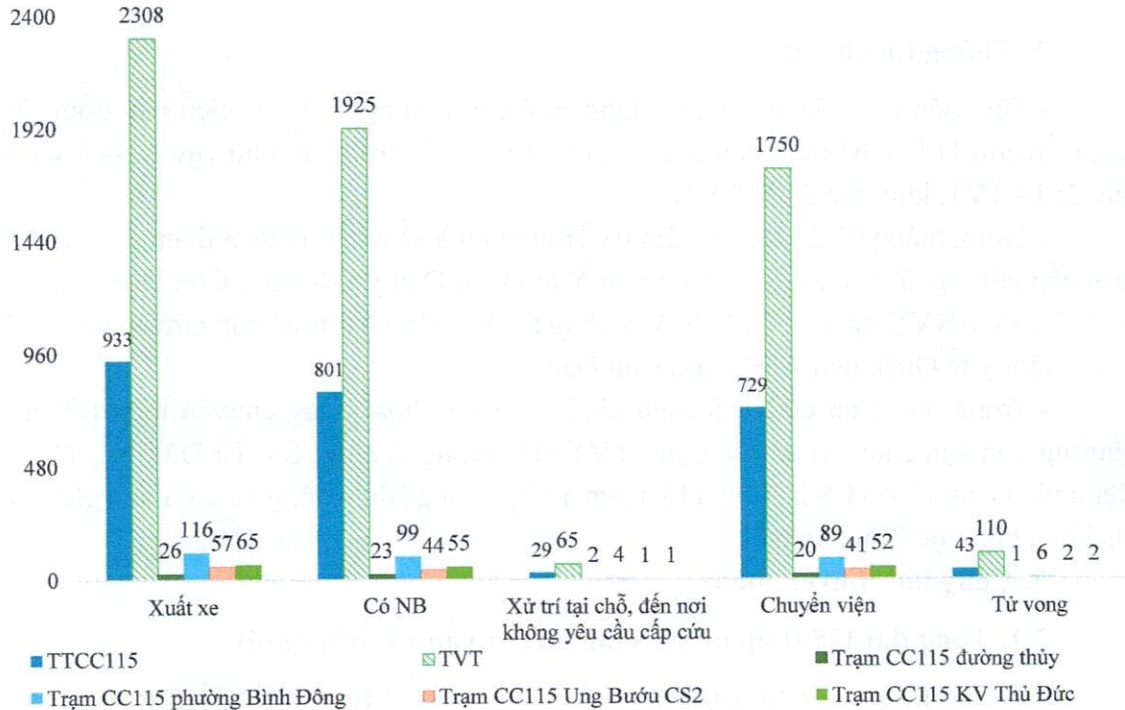
Biểu đồ 1. Thống kê công tác chuyên môn của Tổng đài 115 tháng 03/2026

- Tiếp nhận: trong tháng 03/2026, Tổng đài 115 ghi nhận 43.179 cuộc gọi, tăng 5.207 cuộc gọi (tương ứng 13,7%) so với tháng 02/2026. Trong đó, số cuộc gọi có dấu hiệu cấp cứu là 4.156 cuộc gọi chiếm 9,6% tổng cuộc gọi vào đầu số 115, so với tháng 02/2026 số cuộc có dấu hiệu cấp cứu giảm 106 cuộc gọi (tương ứng 2,5%).

- Sàng lọc, tư vấn, không còn nhu cầu cấp cứu, khác: 225 trường hợp.

- Điều phối: Tổng đài 115 thực hiện điều phối 3.931 trường hợp cần cấp cứu, trong đó điều phối TTCC115 là 963 lượt (24,5%) và đến các Trạm vệ tinh là 2.968 lượt (75,5%).

2.2. Lực lượng cấp cứu ngoài bệnh viện (tổ chức triển khai cấp cứu người bệnh tại cộng đồng)



Biểu đồ 2. Thống kê các trường hợp triển khai cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 03/2026

- Mạng lưới Cấp cứu ngoài bệnh viện thực hiện 3.505 lượt xuất xe. Trong đó, TTCC115 xuất xe là 933 lượt chiếm 26,6% và các trạm cấp cứu vệ tinh xuất xe là 2.572 lượt chiếm 73,4%. Số lượt xuất xe có người bệnh là 2.947 lượt (giảm 118 trường hợp so với tháng 02/2026). Tỷ lệ xuất xe có người bệnh của toàn mạng lưới đạt 84,1%, trong đó tỷ lệ có người bệnh trên lượt xuất xe của TTCC115 đạt 85,9% và của TVT đạt 83,4%.

- Trường hợp chuyển viện chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 91% (TTCC115) và 91% (TVT), có 164 trường hợp tử vong trong tháng 03/2026 giảm 18,8% so với tháng 02/2026 gồm 202 trường hợp.

2.3. Phân bố các ca cấp cứu

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

- Trong tháng 03/2026, 05 phường/xã tại khu vực 1 có số trường hợp cấp cứu cao nhất được TTCC115 đáp ứng là phường Hoà Hưng (65 trường hợp), phường Vườn Lài (53 trường hợp), phường Phú Định (44 trường hợp), phường Diên Hồng (43 trường hợp) và phường Bình Hưng Hoà (41 trường hợp).

- Ngoài ra, Trung tâm có đáp ứng cấp cứu cho phường An Phú (01 trường hợp), phường Dĩ An (02 trường hợp) và phường Đông Hoà (06 trường hợp) tại khu vực 2.

(đính kèm phụ lục 3)

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

- Trong tháng 03/2026, có 05 phường/xã có số trường hợp cấp cứu cao được các TVT đáp ứng bao gồm: phường Hiệp Bình (68 trường hợp), phường Bình Lợi Trung (55 trường hợp), phường Tân Hưng (54 trường hợp), phường An Khánh (53 trường hợp) và phường Chánh Hưng (52 trường hợp).

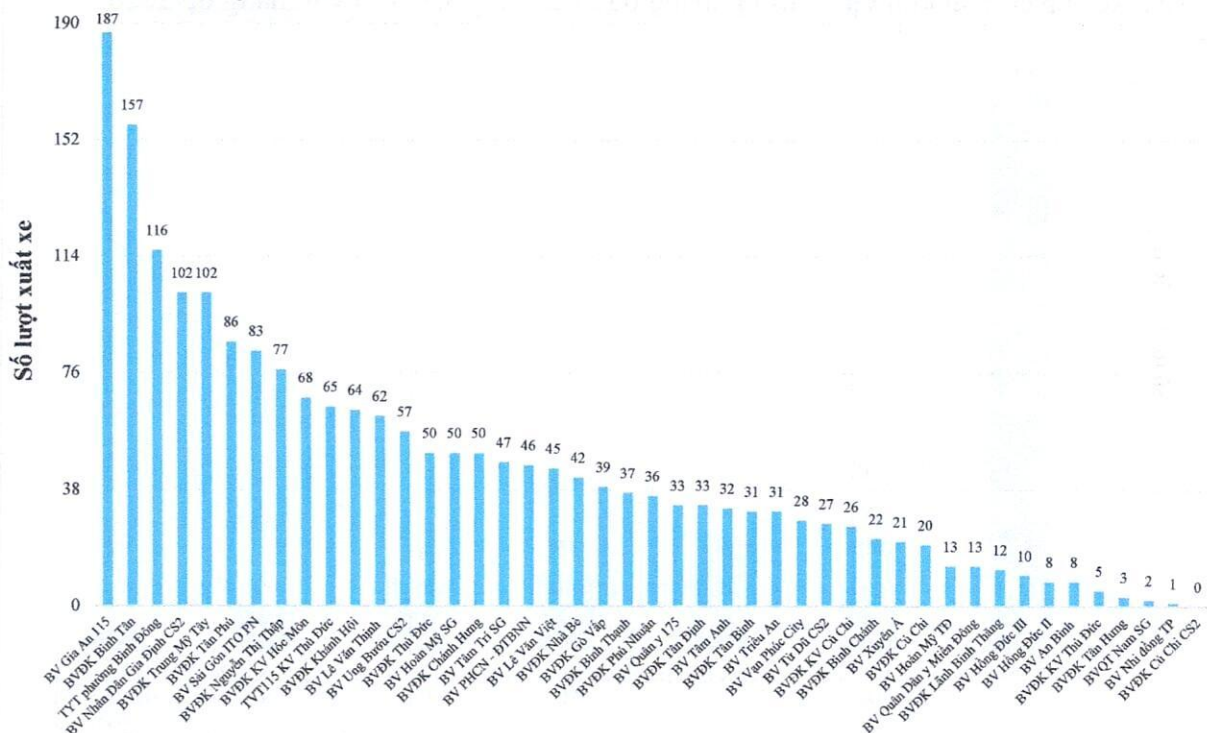
- Tại khu vực 2, các phường/xã có số lượng cấp cứu cao nhất được TVT đáp ứng bao gồm: phường Dĩ An (36 trường hợp), phường Đông Hoà (28 trường hợp), phường Phú Lợi (25 trường hợp), phường Tân Đông Hiệp (24 trường hợp) và phường Thuận Giao (23 trường hợp).

- Tại khu vực 3, các phường/xã có trường hợp cấp cứu cao nhất được các TVT đáp ứng cấp cứu bao gồm: phường Vũng Tàu (53 trường hợp), phường Tam Thắng (31 trường hợp), phường Phước Thắng (28 trường hợp), phường Rạch Dừa (23 trường hợp) và xã Long Điền (19 trường hợp).

(đính kèm phụ lục 3)

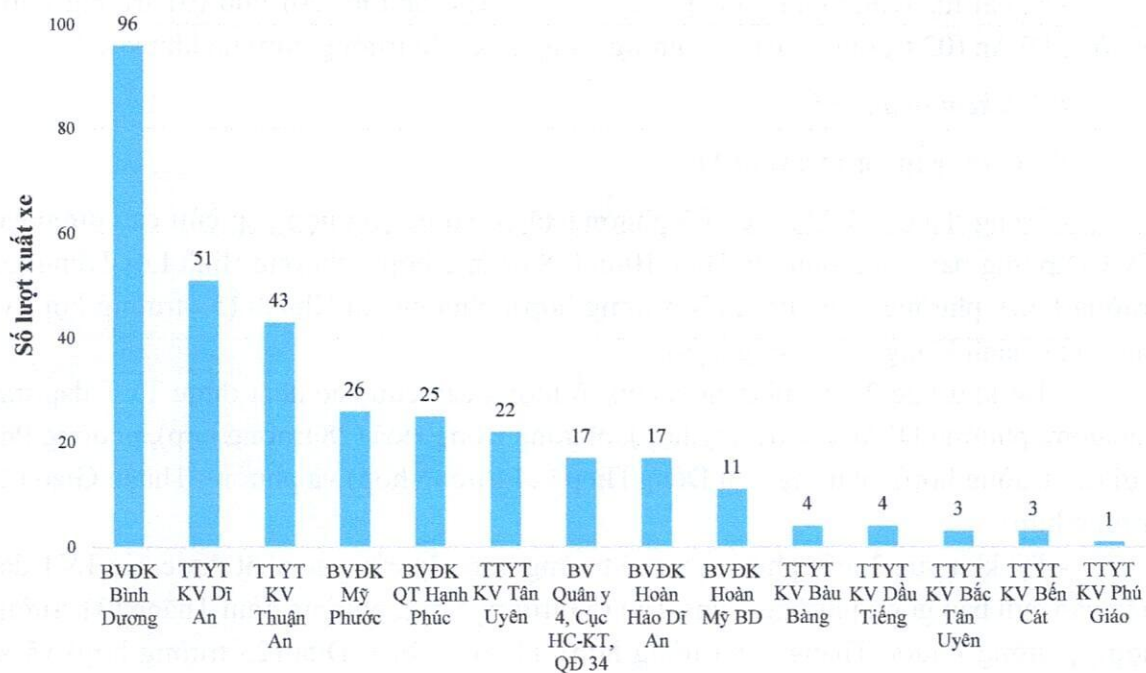
2.4. Số trường hợp cấp cứu ngoài bệnh viện của các trạm cấp cứu vệ tinh 115

❖ **Số lượt xuất xe**



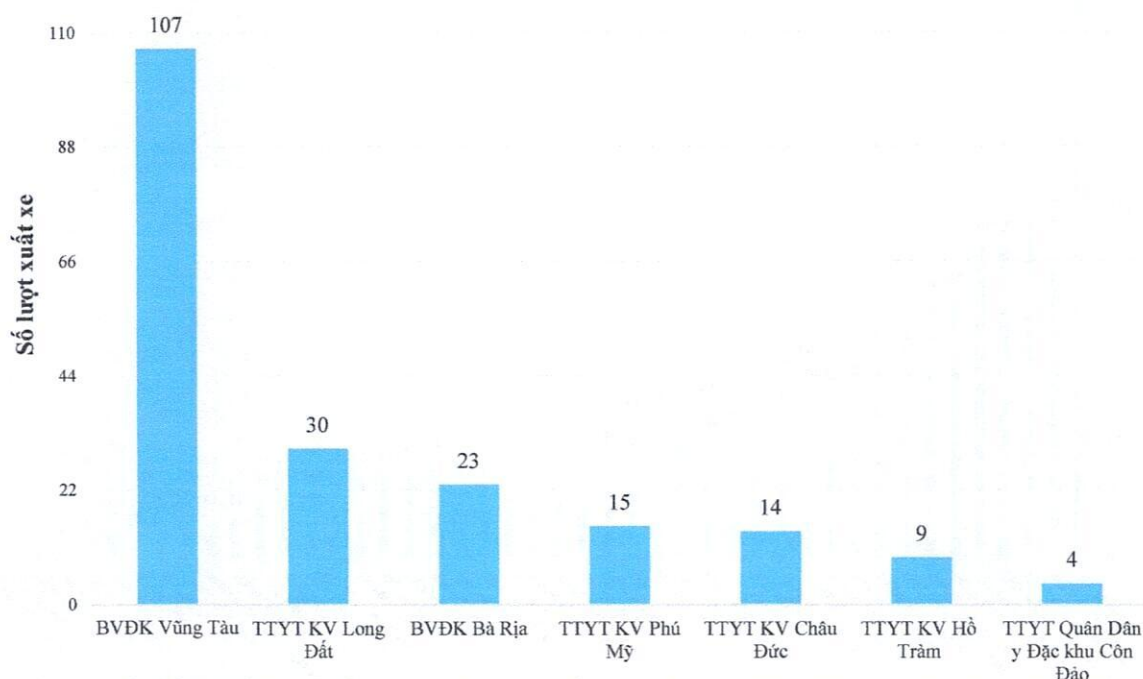
Biểu đồ 3. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 03/2026

Tại khu vực 1, TVT BV Gia An 115 là Trạm vệ tinh có số lượng xuất xe cao nhất trong tháng 03 đạt 187 lượt xuất xe, kế tiếp thuộc về TVT BVĐK Bình Tân với 157 lượt và TVT115 TYT phường Bình Đông với 116 lượt.



Biểu đồ 4. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 03/2026

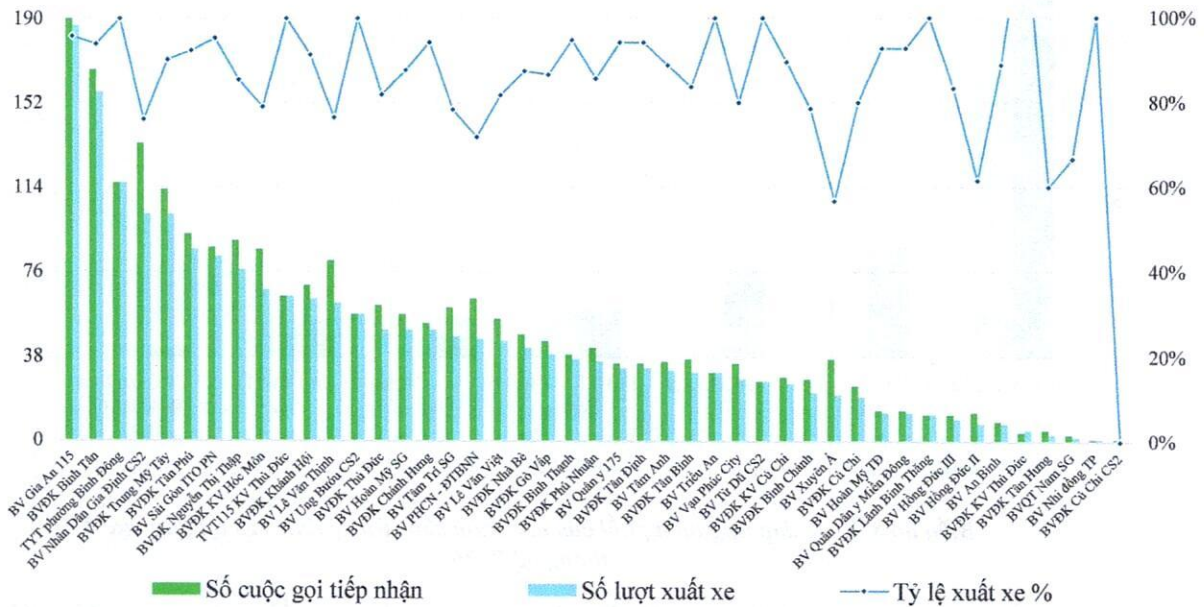
Trong tháng 03/2026 tại khu vực 2, TVT BVĐK Bình Dương có số lượt xuất xe cao nhất đạt 96 lượt và tiếp theo TVT TTYT KV Dĩ An với số lượt xuất xe đạt 51 lượt. Số lượt xuất xe cấp cứu tại khu vực 2 trong tháng 03/2026 tăng 3,2% so với tháng 02/2026.



Biểu đồ 5. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 03/2026

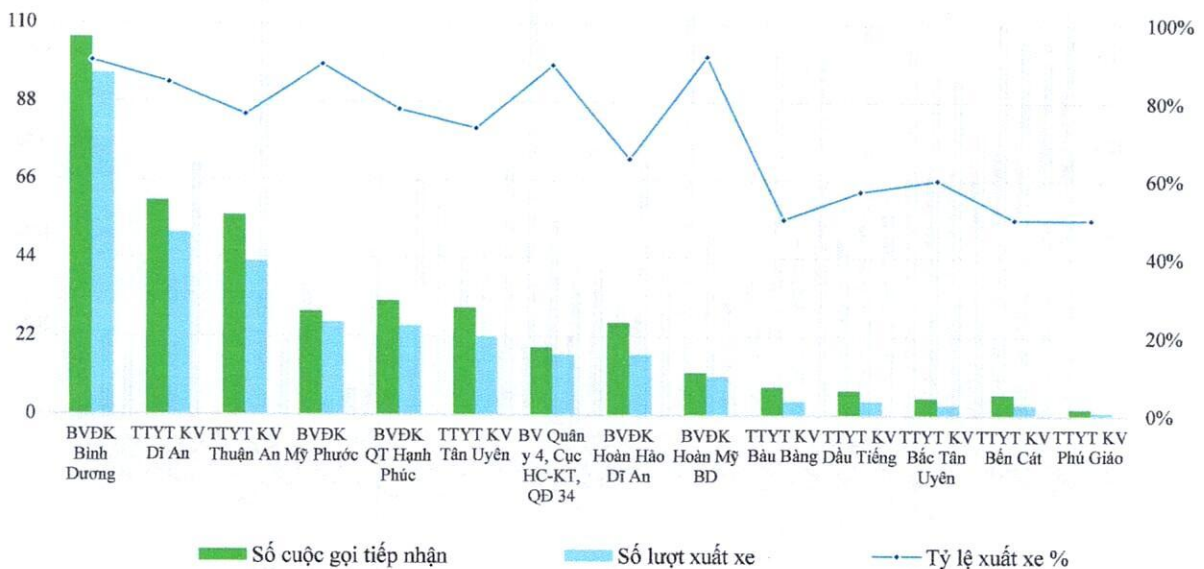
Tại khu vực 3, TVT BVĐK Vũng Tàu có số lượt xuất xe cao nhất đạt 107 lượt và TVT TTYT KV Long Đất đứng thứ 2 đạt 30 lượt. Trong tháng 03/2026, số lượt xuất xe giảm 14% so với tháng 02/2026.

❖ Tỷ lệ xuất xe/số cuộc gọi điều phối



Biểu đồ 6. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 03/2026

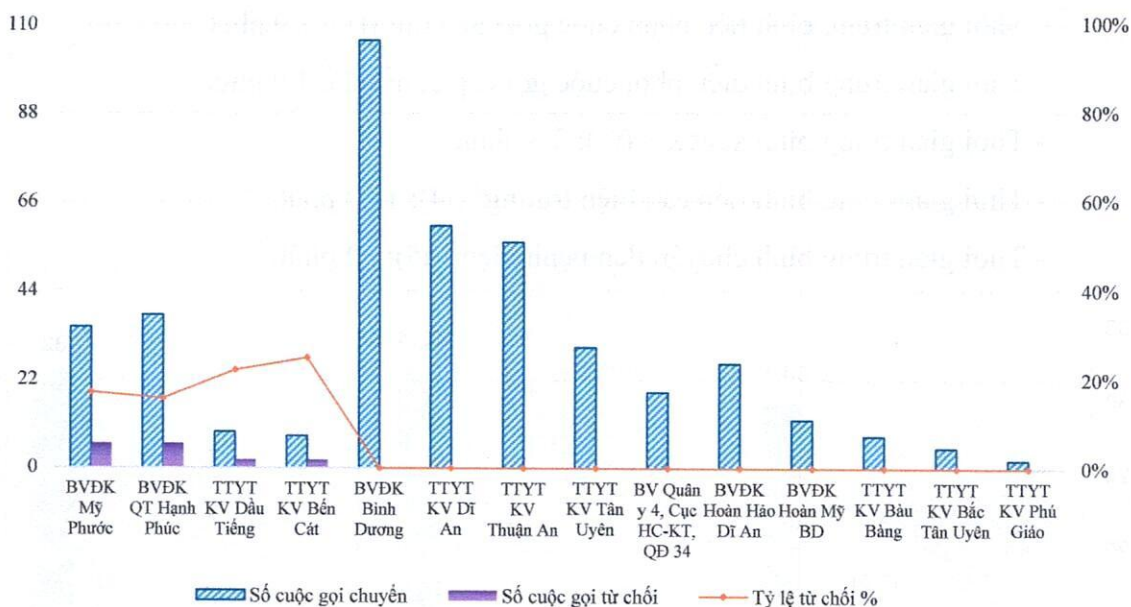
Tại khu vực 1, trong nhóm 10 TVT có số lượt xuất xe cao hàng đầu, các TVT có tỷ lệ xuất xe trên tổng số điều phối cao là TVT115 TYT phường Bình Đông đạt 100%, TVT115 KV Thủ Đức đạt 100%, TVT BV Gia An 115 đạt 96%, kế tiếp là TVT BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận đạt 95%.



Biểu đồ 7. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 03/2026

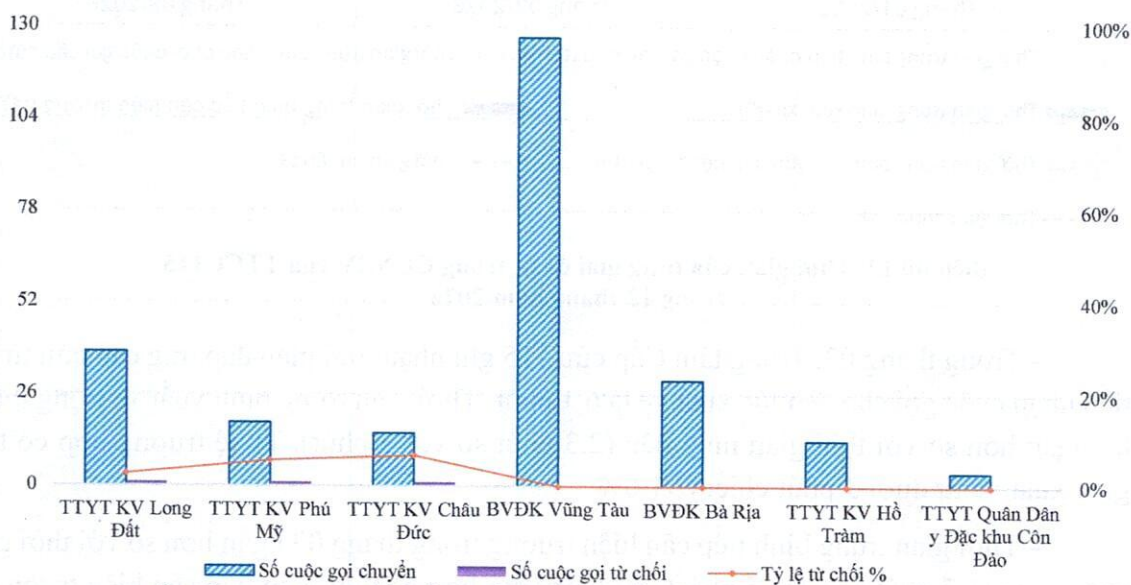
Tại khu vực 2, trong 06 TVT có số lượt xuất xe cao, những TVT có tỷ lệ xuất xe trên tổng số điều phối cao là TVT BVĐK Bình Dương (91%), TVT BVĐK Mỹ Phước (90%) và TVT TTYT KV Dĩ An (85%).

Các Trạm vệ tinh có tỷ lệ từ chối trên 60% cuộc gọi chuyển đến chiếm 16/44 TVT tại khu vực 1 hiện đang hoạt động.



Biểu đồ 10. Tỷ lệ từ chối điều phối của trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 03/2026

Tỷ lệ từ chối điều phối tại khu vực 2 không cao ghi nhận 04 TVT có tỷ lệ từ chối cao nhất trong tháng là TTYT KV Bến Cát (25%), TTYT KV Dầu Tiếng (22%), BVĐK Mỹ Phước (17%) và BVĐK QT Hạnh Phúc (16%).



Biểu đồ 11. Tỷ lệ từ chối điều phối của trạm cấp cứu vệ tinh tại khu vực 3 tháng 03/2026

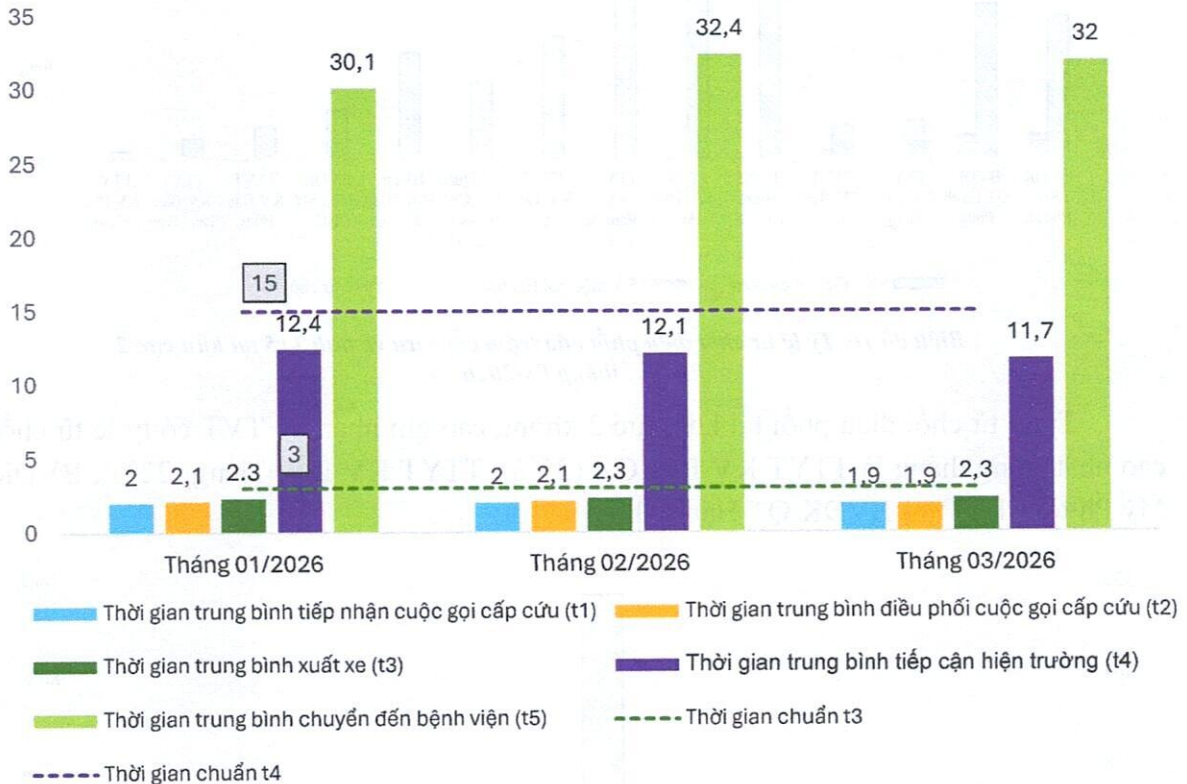
Tại khu vực 3, rất ít trường hợp từ chối điều phối, chỉ ghi nhận 03 Trạm vệ tinh: TTYT KV Châu Đức (7%), TTYT KV Phú Mỹ (6%) và TTYT KV Long Đất (3%).

(đính kèm phụ lục 2)

2.6. Một số chỉ số chất lượng liên quan đến cấp cứu ngoài bệnh viện

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

- Thời gian trung bình tiếp nhận cuộc gọi cấp cứu¹ (t1): 1,9 phút.
- Thời gian trung bình điều phối cuộc gọi cấp cứu² (t2): 1,9 phút.
- Thời gian trung bình xuất xe³ (t3): 2,3 phút.
- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường⁴ (t4): 11,7 phút.
- Thời gian trung bình chuyển đến bệnh viện⁵ (t5): 32 phút.



Biểu đồ 12. Thời gian của từng giai đoạn trong CCNBV của TTCC115 trong 12 tháng năm 2026

- Trong tháng 03, Trung tâm Cấp cứu 115 ghi nhận thời gian đáp ứng cấp cứu từ lúc tiếp nhận cuộc gọi cho đến lúc xuất xe là 6,1 phút. Thời gian trung bình xuất xe trong tháng 03 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (2,3 phút so với 3 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian xuất xe từ dưới 3 phút chiếm 91,6%.

- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường trong tháng 03 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (11,7 phút so với 15 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian tiếp cận hiện trường từ dưới 15 phút chiếm 73,2%.

¹ t1: thời gian từ lúc tiếp nhận cuộc gọi từ người dân đến lúc kết thúc cuộc gọi.

² t2: thời gian từ lúc kết thúc cuộc gọi đến khi thông tin cấp cứu được kịp cấp cứu tiếp nhận.

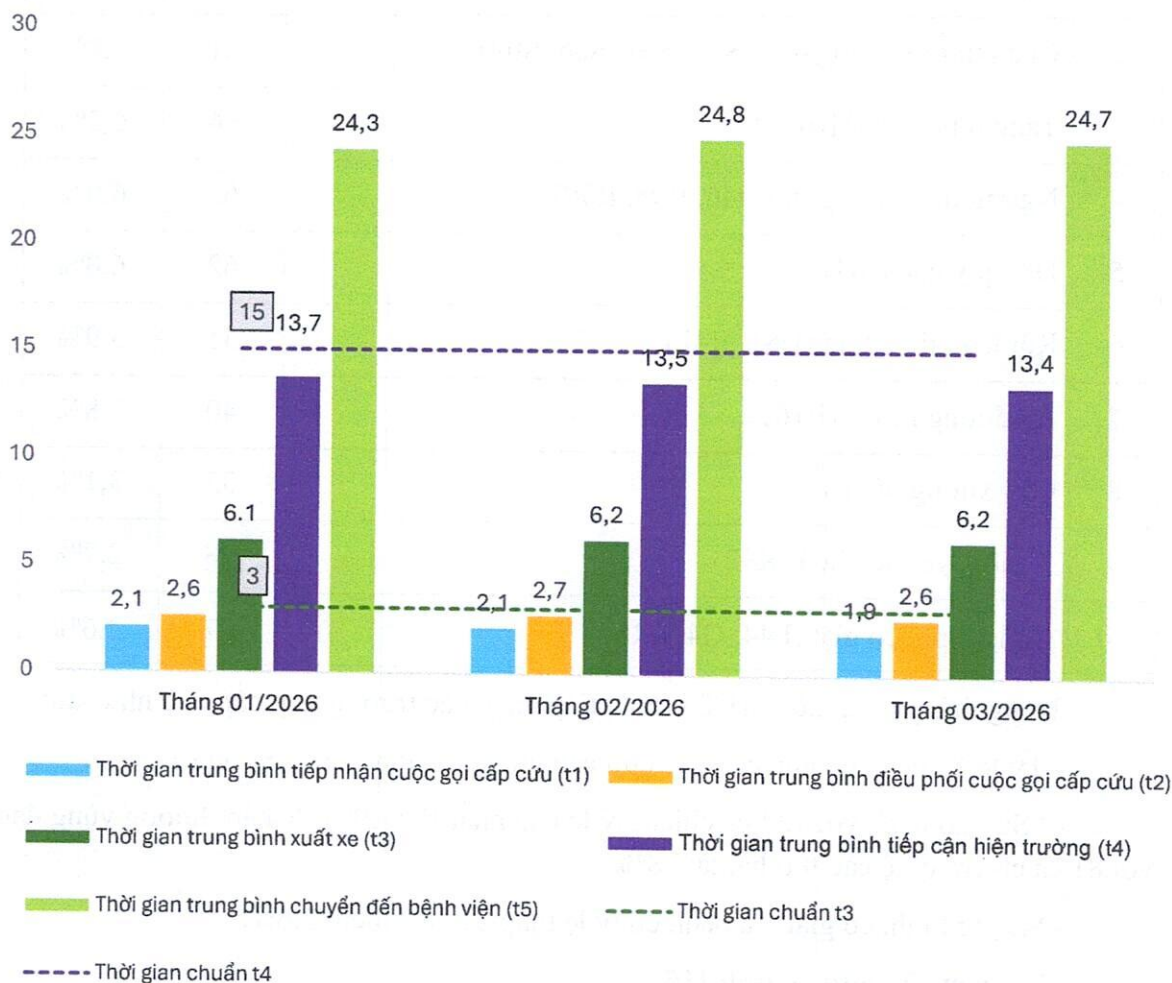
³ t3: thời gian từ lúc kịp cấp cứu tiếp nhận thông tin đến lúc xuất xe.

⁴ t4: thời gian từ lúc xuất xe đến lúc tiếp cận hiện trường.

⁵ t5: thời gian từ hiện trường đến bệnh viện.

❖ Trạm cấp cứu vệ tinh 115

- Thời gian trung bình tiếp nhận cuộc gọi cấp cứu (t1): 1,9 phút.
- Thời gian trung bình điều phối cuộc gọi cấp cứu (t2): 2,6 phút.
- Thời gian trung bình xuất xe (t3): 6,2 phút.
- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường (t4): 13,4 phút.
- Thời gian trung bình chuyển đến bệnh viện (t5): 24,7 phút.



Biểu đồ 13. Thời gian của từng giai đoạn trong CCNBV của TVT trong 12 tháng năm 2026

- Trong tháng 03, Trạm vệ tinh 115 ghi nhận thời gian đáp ứng cấp cứu từ lúc tiếp nhận cuộc gọi cho đến lúc xuất xe là 10,7 phút. Thời gian trung bình xuất xe trong tháng 03 dài hơn so với thời gian mục tiêu (6,2 phút so với 3 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian xuất xe từ dưới 3 phút chiếm 35,9%.

- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường trong tháng 03 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (13,4 phút so với 15 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian tiếp cận hiện trường từ dưới 15 phút chiếm 65,7%.

3. Cơ cấu bệnh tật

3.1. Cơ cấu bệnh tật theo mã ICD

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

Bảng 1. Tỷ lệ 10 bệnh mắc hàng đầu của TTCC115 tháng 03/2026 (n=1.041)

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
1	Suy hô hấp (J96)	124	11,9%
2	Chấn thương vùng đầu (S00, S01, S06, S09)	81	7,8%
3	Tăng huyết áp (I10)	66	6,3%
4	Ngưng tim, ngưng thở (I46, R98, R99)	62	6,0%
5	Đột quỵ não (I64)	62	6,0%
6	Rối loạn tiền đình (H81, R42)	41	3,9%
7	Hạ đường huyết (E16)	40	3,8%
8	Gãy xương đùi (S72)	32	3,1%
9	Xuất huyết tiêu hoá (K92)	28	2,7%
10	Động kinh, co giật (F44, G40, R56)	27	2,6%

Trong tháng 03/2026, TTCC115 đã tiếp nhận các trường hợp cấp cứu như sau:

- Tỷ lệ 10 bệnh có nhu cầu cấp cứu cao nhất dao động từ 2,6% đến 11,9%.
- “Suy hô hấp” với 124 ca chiếm tỷ lệ cao nhất là 11,9%, “Chấn thương vùng đầu” với 81 ca chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 7,8%.
- “Động kinh, co giật” là bệnh có tỷ lệ thấp 27 ca, chiếm 2,6%.

❖ Trạm cấp cứu vệ tinh 115

Bảng 2. Tỷ lệ 10 bệnh mắc hàng đầu của TVT115 tháng 03/2026 tại khu vực 1, 2 và 3 (n=1.483)

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
1	Chấn thương vùng đầu (S00, S01, S02, S05, S06, S09)	180	12,1%
2	Đột quỵ não (I64)	152	10,2%
3	Ngưng tim, ngưng thở (I46, R98, R99)	114	7,7%

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
4	Suy hô hấp (J96)	86	5,8%
5	Rối loạn tiền đình (H81, R42)	58	3,9%
6	Động kinh, co giật (G40, F44, R56)	57	3,8%
7	Viêm phổi (J15, J16, J18)	44	3,0%
8	Tăng huyết áp (I10)	31	2,1%
9	Xuất huyết tiêu hoá (K92)	27	1,9%
10	Gãy xương đùi (S72)	26	1,8%

Trong tháng 03/2026, TVT115 đã tiếp nhận các trường hợp cấp cứu như sau:

- Tỷ lệ 10 bệnh có nhu cầu cấp cứu cao nhất dao động từ 1,8% đến 12,1%.
- “Chấn thương vùng đầu” với 180 ca chiếm tỷ lệ cao nhất là 12,1%, “Đột quy não” với 152 ca chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 10,2%.
- “Gãy xương đùi” là bệnh có tỷ lệ thấp 26 ca, chiếm 1,8%.

3.2. Cơ cấu bệnh tật theo lý do cuộc gọi

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

Bảng 3. Phân bố tỷ lệ lý do gọi cấp cứu của TTCC115 tháng 03/2026

STT	Nhóm lý do gọi cấp cứu	Tần số	Tỷ lệ
1	Bất tỉnh	249	20,6%
2	Khó thở	220	18,2%
3	Tai nạn	216	17,9%
4	Đột quy	79	6,5%
5	Ngưng tim, ngưng thở	31	2,6%
6	Đau ngực	9	0,8%
7	Tâm thần	8	0,6%
8	Đã thương	1	0,1%
9	Nhóm khác (co giật, chóng mặt, sốt,...)	396	32,8%

Trong tháng 03/2026, các nhóm lý do gọi cấp cứu cho Trung tâm Cấp cứu 115 được ghi nhận cao nhất là bất tỉnh (chiếm 20,6%), khó thở (chiếm 18,2%), tai nạn (chiếm 17,9%), đột quỵ (chiếm 6,5%). Các nhóm lý do gọi cấp cứu chiếm tỷ lệ thấp bao gồm: tâm thần (chiếm 0,6%) và đã thương (chiếm 0,1%).

❖ Trạm cấp cứu vệ tinh 115

Bảng 4. Phân bố tỷ lệ lý do gọi cấp cứu của TVT115 tháng 03/2026 tại khu vực 1, 2 và 3

STT	Nhóm lý do gọi cấp cứu	Tần số	Tỷ lệ
1	Bất tỉnh	476	23,3%
2	Tai nạn	459	22,5%
3	Khó thở	298	14,6%
4	Đột quỵ	126	6,2%
5	Ngưng tim, ngưng thở	75	3,7%
6	Đau ngực	20	1%
7	Tâm thần	16	0,7%
8	Đã thương	1	0,1%
9	Nhóm khác (co giật, đau lưng, chóng mặt,...)	572	28%

Trong tháng 03/2026, các nhóm lý do gọi cấp cứu cho Trạm vệ tinh 115 được ghi nhận cao nhất là bất tỉnh (chiếm 23,3%), tai nạn (chiếm 22,5%), khó thở (chiếm 14,6%), đột quỵ (chiếm 6,2%). Các nhóm lý do gọi cấp cứu chiếm tỷ lệ thấp bao gồm: tâm thần (chiếm 0,7%) và đã thương (chiếm 0,1%).

4. Báo cáo ca tâm thần

Trong tháng 03/2026, số liệu các trường hợp liên quan tâm thần được TTCC115 tiếp nhận, điều phối và xử trí cụ thể như sau:

- Tổng số cuộc gọi cấp cứu có liên quan đến cấp cứu tâm thần: 24 cuộc gọi.
- Số ca cấp cứu có liên quan đến vấn đề tâm thần: 06 ca do TTCC115 tiếp nhận và xử trí.
- Số trường hợp chuyển viện có liên quan vấn đề tâm thần: 05 trường hợp chuyển viện (04 trường hợp chuyển Bệnh viện Tâm thần TP.HCM, 01 trường hợp chuyển Bệnh viện Tâm Anh).

5. Báo cáo sự cố

Trong tháng 03/2026, trung tâm không ghi nhận báo cáo sự cố từ Trạm vệ tinh 115.

6. Hoạt động khác

Trung tâm Cấp cứu 115 cùng với Mạng lưới Cấp cứu ngoài bệnh viện tham gia đảm bảo công tác y tế cho 12 sự kiện chính trị và lễ hội, với tổng thời lượng phục vụ là 59 buổi và tổng số xe cứu thương được huy động là 125 xe. Trung tâm Cấp cứu 115 đã phối hợp cùng với các Trạm vệ tinh 115 và các cơ sở y tế như: BV An Bình, BV Chấn thương chỉnh hình, BV Ung Bướu, BV Lê Văn Việt, BV Nhân dân Gia Định, BV Nguyễn Tri Phương, BV Lê Văn Thịnh, BVĐK Khánh Hội, BVĐK Tân Định, BVĐK Thủ Đức, BVĐK Bình Thạnh, BVĐK KV Thủ Đức, BVĐK Bình Dương.

Trung tâm Cấp cứu 115 đã được công nhận chương trình đào tạo Cấp cứu cộng đồng theo Công văn số 2673/SYT-NVY ngày 04/3/2026 của Sở Y tế V/v triển khai “tài liệu hướng dẫn sơ cấp cứu cộng đồng”.

Trung tâm Cấp cứu 115 triển khai lớp Cấp cứu ban đầu ngoài bệnh viện, xử trí bệnh cấp cứu và chấn thương – ABCDE lần thứ I năm 2026 từ ngày 30/3/2026 đến ngày 03/4/2026 tại Hội trường Trung tâm Cấp cứu 115 (49 BIS Điện Biên Phủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trung tâm Cấp cứu 115 phối hợp với Bệnh viện Thống Nhất đã tổ chức thành công Chương trình huấn luyện Cấp cứu Quốc tế Việt – Úc lần thứ 4, được giảng dạy trực tiếp bởi các chuyên gia đến từ Úc cùng đội ngũ huấn luyện viên của hai đơn vị. Chương trình diễn ra từ ngày 16/3/2026 đến ngày 20/3/2026 tại Hội trường Bệnh viện Thống Nhất (Lầu 6, Tòa nhà trung tâm, số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Thuận lợi, hạn chế, đề xuất phương hướng hoạt động

a. Thuận lợi

- Nhận được sự quan tâm từ Sở Y tế trong việc chấp thuận triển khai mở rộng Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện nhằm nâng cao năng lực đáp ứng và cải thiện thời gian tiếp cận người bệnh.

- Các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tích cực cử nhân sự tham gia các lớp cấp cứu ban đầu ngoài bệnh viện, xử trí bệnh cấp cứu và chấn thương – ABCDE và chương trình huấn luyện Cấp cứu Quốc tế Việt – Úc.

- Các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tích cực phối hợp với Trung tâm trong việc tham gia đảm bảo công tác cấp cứu tại các sự kiện, lễ hội trên địa bàn thành phố.

- Thời gian tiếp cận hiện trường của Trung tâm và các Trạm vệ tinh cải thiện hơn so với tháng trước, nhằm đảm bảo tiếp cận được người dân một cách nhanh chóng và giảm nguy cơ diễn tiến nặng.

b. Hạn chế

- Một số Trạm vệ tinh 115 có tỷ lệ từ chối cuộc gọi cấp cứu cao do các hạn chế về phương tiện, nhân lực tại thời điểm điều phối cuộc gọi.

- Hiện nay, thời gian đáp ứng xuất xe của các trạm vệ tinh 115 chưa đạt mức so với quy định chuẩn (thời gian trung bình cao gấp hai lần so với thời gian chuẩn xuất xe) tình trạng này ảnh hưởng đến hiệu quả cấp cứu người bệnh.

c. Đề xuất

- Đề nghị Lãnh đạo các Trạm cấp cứu vệ tinh rà soát, phân tích nguyên nhân gốc rễ và triển khai các giải pháp nhằm cải thiện thời gian từ lúc tiếp nhận điều phối đến lúc xuất xe rời khỏi đơn vị.

- Các Trạm vệ tinh tiếp tục tích cực hỗ trợ phục vụ cấp cứu cho các sự kiện chính trị văn hoá xã hội trên địa bàn thành phố HCM như: đại hội thể dục thể thao TPHCM lần I năm 2026, hội thi thể dục thể thao TPHCM năm học 2025-2026 do Sở GD và ĐT tổ chức.

- Đề nghị các Trạm vệ tinh chuẩn bị cho công tác đánh giá chất lượng Trạm cấp cứu vệ tinh tại các bệnh viện theo tiêu chí chất lượng áp dụng cho Trạm cấp cứu vệ tinh 115 (phiên bản 2.0) tại công văn số 661/SYT-NVY ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Sở Y tế.

- Đề nghị các Trạm vệ tinh nghiêm túc tham dự đầy đủ buổi giao ban Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện Quý I năm 2026 theo kế hoạch của Trung tâm đề ra.

- Trường hợp Trạm vệ tinh không thể tiếp nhận điều phối từ Trung tâm Cấp cứu 115, đề nghị có văn bản báo cáo kịp thời, nêu rõ lý do, giải pháp khắc phục và thời gian dự kiến hoạt động trở lại để Trung tâm chủ động hỗ trợ và điều phối phù hợp.

- Đề nghị các đơn vị tiếp tục phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ về Trung tâm Cấp cứu 115 để Trung tâm tổng hợp, báo cáo và tham mưu Sở Y tế xem xét, hỗ trợ giải quyết khi cần thiết.

Trên đây là Bản tin hoạt động Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 03 năm 2026, Trung tâm Cấp cứu 115 kính trình Sở Y tế xem xét và chỉ đạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở Y tế;
 - PGS.TS.BS. Nguyễn Anh Dũng (Phó GD SYT);
 - Phòng Nghiệp Vụ Y – Sở Y tế Tp.HCM;
 - Các vệ tinh 115 thuộc ML CCNBV;
 - BGĐ Trung tâm;
 - Lưu: VT, KHTC (Huy2b)
- (VB giấy và VB điện tử)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Long



Phụ lục 1

**THỐNG KÊ TRẠM GẤP CỨU VỆ TINH THỰC HIỆN
BỆNH ÁN CẤP CỨU NGOÀI BỆNH VIỆN THÁNG 03/2026**

(Đính kèm theo Bản tin số 481 /TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
1	BV An Bình	6	0	0%
2	BV Gia An 115	157	157	100%
3	BV Hoàn Mỹ Bình Dương	5	5	100%
4	BV Hoàn Mỹ Sài Gòn	44	36	82%
5	BV Hoàn Mỹ Thủ Đức	12	12	100%
6	BV Hồng Đức II	7	7	100%
7	BV Hồng Đức III	8	8	100%
8	BV Lê Văn Thịnh	53	35	66%
9	BV Lê Văn Việt	36	36	100%
10	BV Nhân Dân Gia Định CS2	90	40	44%
11	BV Nhi Đồng Thành phố	-	-	-
12	BV Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	43	43	100%
13	BV Quân Dân y Miền Đông	9	0	0%
14	BV Quân y 175	29	1	3%
15	BV Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân đoàn 34	14	12	86%
16	BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận	68	64	94%
17	BV Tâm Anh	27	26	96%
18	BV Tâm Trí Sài Gòn	46	28	61%
19	BV Triều An	27	27	100%
20	BV Ung Bướu CS2	43	43	100%
21	BV Vạn Phúc City	26	24	92%
22	BV Xuyên Á	20	20	100%

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
23	BVĐK Bà Rịa	14	11	79%
24	BVĐK Bình Chánh	22	20	91%
25	BVĐK Bình Dương	55	55	100%
26	BVĐK Bình Tân	141	141	100%
27	BVĐK Bình Thạnh	32	32	100%
28	BVĐK Chánh Hưng	48	47	98%
29	BVĐK Củ Chi	20	20	100%
30	BVĐK Củ Chi CS2	-	-	-
31	BVĐK Gò Vấp	34	34	100%
32	BVĐK Hoàn Hào Dĩ An	12	9	75%
33	BVĐK Khánh Hội	59	59	100%
34	BVĐK Lãnh Binh Thăng	10	10	100%
35	BVĐK Mỹ Phước	20	7	35%
36	BVĐK Nguyễn Thị Thập	72	72	100%
37	BVĐK Nhà Bè	38	38	100%
38	BVĐK Phú Nhuận	32	30	94%
39	BVĐK Tân Bình	28	28	100%
40	BVĐK Tân Định	30	28	93%
41	BVĐK Tân Hưng	3	3	100%
42	BVĐK Tân Phú	76	76	100%
43	BVĐK Thủ Đức	43	43	100%
44	BVĐK Trung Mỹ Tây	82	82	100%
45	BVĐK Vũng Tàu	83	74	89%
46	BVĐK KV Củ Chi	22	22	100%
47	BVĐK KV Hóc Môn	59	59	100%
48	BVĐK KV Thủ Đức	4	2	50%
49	BVĐK QT Hạnh Phúc	20	15	75%

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe số người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
50	BVQT Nam Sài Gòn	2	0	0%
51	Cấp cứu 115 KV Thủ Đức	55	55	100%
52	Cấp cứu đường thủy 115 BV Từ Dũ CS2	23	23	100%
53	TTYT KV Bắc Tân Uyên	3	3	100%
54	TTYT KV Bàu Bàng	2	2	100%
55	TTYT KV Bến Cát	2	2	100%
56	TTYT KV Châu Đức	12	0	0%
57	TTYT KV Dầu Tiếng	4	4	100%
58	TTYT KV Dĩ An	44	36	82%
59	TTYT KV Hồ Tràm	6	0	0%
60	TTYT KV Long Đất	26	22	85%
61	TTYT KV Phú Giáo	-	-	-
62	TTYT KV Phú Mỹ	13	13	100%
63	TTYT KV Tân Uyên	15	15	100%
64	TTYT KV Thuận An	34	30	88%
65	TTYT Quân Dân y đặc khu Côn Đảo	4	0	0%
66	TYT phường Bình Đông	99	99	100%





Phụ lục 2

**THỐNG KÊ TRẠM CẤP CỨU VỆ TINH
XUẤT XE/ TỪ CHỐI CẤP CỨU NGOÀI BỆNH VIỆN THÁNG 03/2026**

(Đính kèm theo Bản tin số 481 /TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện khu vực 1

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BV An Bình	103	9 (8,7%)	94 (91,3%)	8 (88,8%)
2	BV Gia An 115	200	195 (97,5%)	5 (2,5%)	187 (95,8%)
3	BV Hoàn Mỹ Sài Gòn	181	57 (31,5%)	124 (68,5%)	50 (87,7%)
4	BV Hoàn Mỹ Thủ Đức	17	14 (82,4%)	3 (17,6%)	13 (92,8%)
5	BV Hồng Đức II	56	13 (23,2%)	43 (76,8%)	8 (61,5%)
6	BV Hồng Đức III	132	12 (9,1%)	120 (90,9%)	10 (83,3%)
7	BV Lê Văn Thịnh	106	81 (76,4%)	25 (23,6%)	62 (76,5%)
8	BV Lê Văn Việt	90	55 (61,1%)	35 (38,9%)	45 (81,8%)
9	BV Nhân Dân Gia Định CS2	184	134 (72,8%)	50 (27,2%)	102 (76,1%)
10	BV Nhi Đồng TP	2	1 (50%)	1 (50%)	1 (100%)
11	BV Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	77	64 (83,1%)	13 (16,9%)	46 (71,8%)
12	BV Quân Dân y Miền Đông	76	14 (18,4%)	62 (81,6%)	13 (92,8%)
13	BV Quân Y 175	173	35 (20,2%)	138 (79,8%)	33 (94,2%)
14	BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận	167	87 (52,1%)	80 (47,9%)	83 (95,4%)
15	BV Tâm Anh	52	36 (69,2%)	16 (30,8%)	32 (88,8%)
16	BV Tâm Trí SG	171	60 (35,1%)	111 (64,9%)	47 (78,3%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyên	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
17	BV Triều An	69	31 (44,9%)	38 (55,1%)	31 (100%)
18	BV Ung Brou CS2	57	57 (100%)	0 (0%)	57 (100%)
19	BV Vạn Phúc City	83	35 (42,2%)	48 (57,8%)	28 (80%)
20	BV Xuyên Á	37	37 (100%)	0 (0%)	21 (56,7%)
21	BVĐK Bình Chánh	68	28 (41,1%)	40 (58,9%)	22 (78,5%)
22	BVĐK Bình Tân	201	167 (83,1%)	34 (16,9%)	157 (94,0%)
23	BVĐK Bình Thạnh	157	39 (24,8%)	118 (75,2%)	37 (94,8%)
24	BVĐK Chánh Hưng	80	53 (66,3%)	27 (33,7%)	50 (94,3%)
25	BVĐK Củ Chi	25	25 (100%)	0 (0%)	20 (80%)
26	BVĐK Củ Chi CS2	8	1 (12,5%)	7 (87,5%)	0 (0%)
27	BVĐK Gò Vấp	173	45 (26,1%)	128 (73,9%)	39 (86,6%)
28	BVĐK Khánh Hội	117	70 (59,8%)	47 (40,2%)	64 (91,4%)
29	BVĐK Lãnh Binh Thăng	96	12 (12,5%)	84 (87,5%)	12 (100%)
30	BVĐK Nguyễn Thị Thập	123	90 (73,2%)	33 (26,8%)	77 (85,5%)
31	BVĐK Nhà Bè	73	48 (65,8%)	25 (34,2%)	42 (87,5%)
32	BVĐK Phú Nhuận	93	42 (45,2%)	51 (54,8%)	36 (85,7%)
33	BVĐK Tân Bình	155	37 (23,9%)	118 (76,1%)	31 (83,7%)
34	BVĐK Tân Định	188	35 (18,6%)	153 (81,4%)	33 (94,2%)
35	BVĐK Tân Hưng	82	5 (6,1%)	77 (93,9%)	3 (60%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyên	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
36	BVĐK Tân Phú	182	93 (51,1%)	89 (48,9%)	86 (92,4%)
37	BVĐK Thủ Đức	68	61 (89,7%)	7 (10,3%)	50 (81,9%)
38	BVĐK Trung Mỹ Tây	177	113 (63,8%)	64 (36,2%)	102 (90,2%)
39	BVĐK KV Củ Chi	35	29 (82,9%)	6 (17,1%)	26 (89,6%)
40	BVĐK KV Hóc Môn	109	86 (78,9%)	23 (21,1%)	68 (79%)
41	BVĐK KV Thủ Đức	13	4 (30,8%)	9 (69,2%)	5 (125%)
42	BVQT Nam Sài Gòn	57	3 (5,3%)	54 (94,7%)	2 (66,6%)
43	Cấp cứu 115 KV Thủ Đức	65	65 (100%)	0 (0%)	65 (100%)
44	Cấp cứu 115 BV Từ Dũ CS2	27	27 (100%)	0 (0%)	27 (100%)
45	TTYT KV Bình Đông	116	116 (100%)	0 (0%)	116 (100%)

II. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực 2

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyên	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BV Hoàn Mỹ Bình Dương	12	12 (100%)	0 (0%)	11 (91,6%)
2	BV Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân đoàn 34	19	19 (100%)	0 (0%)	17 (89,4%)
3	BVĐK Bình Dương	106	106 (100%)	0 (0%)	96 (90,5%)
4	BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An	26	26 (100%)	0 (0%)	17 (65,3%)
5	BVĐK Mỹ Phước	35	29 (82,9%)	6 (17,1%)	26 (89,6%)
6	BVĐK QT Hạnh phúc	38	32 (84,2%)	6 (15,8%)	25 (78,1%)
7	TTYT KV Bắc Tân Uyên	5	5 (100%)	0 (0%)	3 (60%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyên	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
8	TTYT KV Bàu Bàng	8	8 (100%)	0 (0%)	4 (50%)
9	TTYT KV Bến Cát	8	6 (75%)	2 (25%)	3 (50%)
10	TTYT KV Dầu Tiếng	9	7 (77,8%)	2 (22,2%)	4 (57,1%)
11	TTYT KV Dĩ An	60	60 (100%)	0 (0%)	51 (85%)
12	TTYT KV Phú Giáo	2	2 (100%)	0 (0%)	1 (50%)
13	TTYT KV Tân Uyên	30	30 (100%)	0 (0%)	22 (73,3%)
14	TTYT KV Thuận An	56	56 (100%)	0 (0%)	43 (76,7%)

III. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực 3

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyên	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BVĐK Bà Rịa	30	30 (100%)	0 (0%)	23 (76,6%)
2	BVĐK Vũng Tàu	127	127 (100%)	0 (0%)	107 (84,2%)
3	TTYT KV Châu Đức	15	14 (93,3%)	1 (6,7%)	14 (100%)
4	TTYT KV Hồ Tràm	13	13 (100%)	0 (0%)	9 (69,2%)
5	TTYT KV Long Đất	38	37 (97,4%)	1 (2,6%)	30 (81,0%)
6	TTYT KV Phú Mỹ	18	17 (94,4%)	1 (5,6%)	15 (88,2%)
7	TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo	4	4 (100%)	0 (0%)	4 (100%)



Phụ lục 3

**THỐNG KÊ SỐ TRƯỜNG HỢP CẤP CỨU THEO PHƯỜNG/ XÃ
THÁNG 03/2026**

(Đính kèm theo Bản tin số 481 /TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
1	Khu vực 1	phường An Đông	26	26	0
2		phường An Hội Đông	34	5	29
3		phường An Hội Tây	40	8	32
4		Phường An Khánh	57	4	53
5		phường An Lạc	45	3	42
6		phường An Nhơn	26	4	22
7		phường An Phú Đông	37	0	37
8		phường Bàn Cờ	44	39	5
9		phường Bảy Hiền	45	39	6
10		phường Bến Thành	55	20	35
11		phường Bình Đông	53	11	42
12		phường Bình Hưng Hòa	48	41	7
13		phường Bình Lợi Trung	58	3	55
14		phường Bình Phú	30	15	15
15		phường Bình Quới	21	6	15
16		phường Bình Tân	50	2	48
17		phường Bình Tây	30	5	25
18		phường Bình Thạnh	62	26	36
19		phường Bình Thới	23	14	9
20		phường Bình Tiên	40	19	21
21		phường Bình Trị Đông	76	25	51

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
22		phường Bình Trưng	30	3	27
23		phường Cát Lái	24	1	23
24		phường Cầu Kiệu	25	6	19
25		phường Cầu Ông Lãnh	33	15	18
26		phường Chánh Hưng	64	12	52
27		phường Chợ Lớn	35	33	2
28		phường Chợ Quán	31	21	10
29		phường Diên Hồng	45	43	2
30		phường Đông Hưng Thuận	50	10	40
31		phường Đức Nhuận	31	7	24
32		phường Gia Định	47	9	38
33		phường Gò Vấp	28	4	24
34		phường Hạnh Thông	41	12	29
35		phường Hiệp Bình	70	2	68
36		phường Hòa Bình	18	18	0
37		phường Hòa Hưng	70	65	5
38		phường Khánh Hội	21	3	18
39		phường Linh Xuân	50	20	30
40		phường Long Bình	42	35	7
41		phường Long Phước	12	6	6
42		phường Long Trường	27	4	23
43		phường Minh Phụng	37	33	4
44		phường Nhiêu Lộc	51	31	20
45		phường Phú Định	68	44	24
46		phường Phú Lâm	35	11	24

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
47		phường Phú Nhuận	30	5	25
48		phường Phú Thạnh	39	16	23
49		phường Phú Thọ	30	26	4
50		phường Phú Thọ Hòa	49	25	24
51		phường Phú Thuận	15	1	14
52		phường Phước Long	31	10	21
53		phường Sài Gòn	49	14	35
54		phường Tam Bình	16	0	16
55		phường Tân Bình	45	25	20
56		phường Tân Định	31	5	26
57		phường Tân Hòa	40	29	11
58		phường Tân Hưng	57	3	54
59		phường Tân Mỹ	24	0	24
60		phường Tân Phú	37	23	14
61		phường Tân Sơn	11	3	8
62		phường Tân Sơn Hòa	35	11	24
63		phường Tân Sơn Nhất	35	18	17
64		phường Tân Sơn Nhì	52	28	24
65		phường Tân Tạo	43	0	43
66		phường Tân Thới Hiệp	30	1	29
67		phường Tân Thuận	35	0	35
68		phường Tăng Nhơn Phú	40	21	19
69		phường Tây Thạnh	24	13	11
70		phường Thạnh Mỹ Tây	52	13	39
71		phường Thới An	39	4	35

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
72		phường Thông Tây Hội	26	6	20
73		phường Thủ Đức	49	16	33
74		phường Trung Mỹ Tây	32	0	32
75		phường Vĩnh Hội	19	1	18
76		phường Vườn Lài	55	53	2
77		phường Xóm Chiếu	20	4	16
78		phường Xuân Hòa	39	18	21
79		xã An Nhơn Tây	10	0	10
80		xã An Thới Đông	5	5	0
81		xã Bà Điểm	30	1	29
82		xã Bình Chánh	21	0	21
83		xã Bình Hưng	57	33	24
84		xã Bình Khánh	9	9	0
85		xã Bình Lợi	11	0	11
86		xã Bình Mỹ	9	0	9
87		xã Cần Giờ	11	11	0
88		xã Củ Chi	13	0	13
89		xã Đông Thạnh	31	0	31
90		xã Hiệp Phước	22	3	19
91		xã Hóc Môn	22	0	22
92		xã Hưng Long	13	5	8
93		xã Nhà Bè	48	1	47
94		xã Nhuận Đức	15	0	15
95		xã Phú Hòa Đông	15	0	15
96		xã Tân An Hội	10	0	10

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
97		xã Tân Nhựt	42	5	37
98		xã Tân Vĩnh Lộc	34	3	31
99		xã Thái Mỹ	8	0	8
100		xã đảo Thạnh An	5	5	0
101		xã Vĩnh Lộc	36	3	33
102		xã Xuân Thới Sơn	24	0	24
103		Khu vực 2	phường An Phú	15	1
104	phường Bến Cát		14	0	14
105	phường Bình Cơ		6	0	6
106	phường Bình Dương		18	0	18
107	phường Bình Hòa		17	0	17
108	phường Chánh Hiệp		17	0	17
109	phường Chánh Phú Hòa		4	0	4
110	phường Dĩ An		38	2	36
111	phường Đông Hòa		34	6	28
112	phường Hòa Lợi		7	0	7
113	phường Lái Thiêu		22	0	22
114	phường Long Nguyên		3	0	3
115	phường Phú An		9	0	9
116	phường Phú Lợi		25	0	25
117	phường Tân Đông Hiệp		24	0	24
118	phường Tân Hiệp		6	0	6
119	phường Tân Khánh		10	0	10
120	phường Tân Uyên		11	0	11
121	phường Tây Nam		4	0	4

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
122		phường Thới Hòa	16	0	16
123		phường Thủ Dầu Một	20	0	20
124		phường Thuận An	11	0	11
125		phường Thuận Giao	23	0	23
126		phường Vĩnh Tân	6	0	6
127		xã An Long	-	-	-
128		xã Bắc Tân Uyên	4	0	4
129		xã Bàu Bàng	5	0	5
130		xã Dầu Tiếng	7	0	7
131		xã Long Hòa	4	0	4
132		xã Minh Thạnh	1	0	1
133		xã Phú Giáo	1	0	1
134		xã Phước Hòa	-	-	-
135		xã Phước Thành	1	0	1
136		xã Thanh An	-	-	-
137		xã Thường Tân	1	0	1
138		xã Trừ Văn Thố	1	0	1
139		Khu vực 3	Đặc khu Côn Đảo	4	0
140	phường Bà Rịa		15	0	15
141	phường Long Hương		5	0	5
142	phường Phú Mỹ		9	0	9
143	phường Phước Thắng		28	0	28
144	phường Rạch Dừa		23	0	23
145	phường Tam Long		2	0	2
146	phường Tam Thắng		31	0	31

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
147		phường Tân Hải	1	0	1
148		phường Tân Phước	5	0	5
149		phường Tân Thành	4	0	4
150		phường Vũng Tàu	53	0	53
151		xã Bà Lâm	1	0	1
152		xã Bình Châu	-	-	-
153		xã Bình Giã	2	0	2
154		xã Châu Đức	2	0	2
155		xã Châu Pha	2	0	2
156		xã Đất Đỏ	6	0	6
157		xã Hồ Tràm	3	0	3
158		xã Hòa Hiệp	1	0	1
159		xã Hòa Hội	1	0	1
160		xã Kim Long	2	0	2
161		xã Long Điền	19	0	19
162		xã Long Hải	12	0	12
163		xã Long Sơn	1	0	1
164		xã Ngãi Giao	5	0	5
165		xã Nghĩa Thành	4	0	4
166		xã Phước Hải	6	0	6
167		xã Xuân Sơn	1	0	1
168		xã Xuyên Mộc	7	0	7